TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 21/03/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thế Mỹ;

2. Ông Phan Trọng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2023/QĐST-DS, ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1957, địa chỉ: tổ 09, ấp T, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn*: Bà Đặng Thị Thuỳ D, sinh năm 1972, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 103/3 N23, khóm L5, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; chổ ở hiện nay: số 80 V2, khóm C, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

* *Người làm chứng*: Bà Lê Thanh T, nơi cư trú: số 306, đường số 8, Khu dân cư X, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

(Bà B, có mặt; bà D vắng mặt không lý do; bà T vắng mặt và có yêu cầu được xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Năm 2017, do mối quan hệ quen biết từ trước nên bà D có nhờ T (con dâu) hỏi vay tiền của bà B; khi đó, tôi có cho bà D vay 03 lần tiền, cụ thể:

+ Ngày 21/5/2017, âm lịch tức ngày 15/6/2017 dương lịch vay 200.000.000 đồng; số tiền này tôi có cùng T đem lại nhà giao cho bà D và bà D có ký nhận số tiền 200.000.000 đồng vào giấy vay tiền cho tôi.

+ Ngày 25/5/2017, âm lịch tức ngày 19/6/2017 dương lịch, bà D tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 70.000.000 đồng; số tiền này tôi có cùng T đem lại nhà giao cho bà D, sau khi nhận đủ tiền bà D có viết và ký nhận nợ thêm số tiền 70.000.000 đồng vào giấy vay tiền ngày 21/5/20217 âm lịch cho tôi.

+ Ngày 10/6/2017 âm lịch tức ngày 03/7/2017, bà D tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 120.000.000 đồng; số tiền này tôi đưa trực tiếp cho bà D nhận nhưng khi nhận bà D có việc gấp đi thành phố Hồ Chí Minh nên không ký nhận nợ đối với số tiền này cho tôi.

Các khoản vay trên khi cho vay thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng đến nay bà D chưa thực hiện việc trả vốn hay trả lãi theo thỏa thuận.

Mặc dù bà B nhiều lần liên hệ trực tiếp, yêu cầu bà D trả nợ nhưng không thực hiện và né tránh. Các năm 2019, 2020 và 2021 bà B có khởi kiện bà D đến Tòa án nhưng sau đó đều rút lại đơn khởi kiện. Năm 2022, khởi kiện lại nhưng bà D vẫn không đến Tòa án làm việc.

Nay, tôi (B) rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 120.000.000 đồng bà D vay thêm ngày 03/7/2017 (ngày 10/6/2017 âm lịch) do không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Yêu cầu bà D có trách nhiệm trả số tiền 270.000.000 đồng theo giấy vay tiền bà D có ký nhận, yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử đối với số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 21/5/2017 âm lịch, tức ngày 15/6/2017 dương lịch và số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 25/5/2017 âm lịch, tức ngày 19/6/2017 dương lịch.

Về tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy vay tiền có chữ viết, chữ ký và ghi họ tên nhận tiền của bà Đặng Thị Thùy D.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Thuỳ D trình bày: Thừa nhận chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đặng Thị Thùy D tại giấy vay tiền ngày 21/5/2017 âm lịch do bà Trần Thị B cung cấp là chữ ký và chữ viết của bà D. Do mẹ Nguyễn Thị Tấn có vay tiền của Lê Thanh T (thời điểm mẹ vay tiền T là con dâu của bà B) nên bà D ký nhận nợ thay mẹ với T. Ngoài ra thì bà D không trình bày gì thêm.

Quá trình tố tụng thì Toà án đã nhiều lần mời bà D đến để tiến hành hoà giải cũng như đối chất vụ án nhưng bà D cố tình vắng mặt không có lý do nên tiến hành lập biên bản không hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo qui định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của bà D xét thấy việc thoả thuận vay nợ của các bên là tự nguyện, có lập thành văn bản và trong qúa trình thực hiện thì bị đơn đã vi phạm việc trả nợ nên có cơ sở bà D có vay số tiền là 270.000.000 đồng của bà B và lãi suất chậm lãi từ thời điểm vay đến ngày xét xử đối với từng khoản vay.

Khoản vay 200.000.000 đồng, có thoả thuận thời hạn trả là một tháng nên cần tính lãi chậm trả từ ngày 21/6/2017 đến ngày xét xử.

Khoản vay 70.000.000 đồng không thoả thuận lãi suất nên tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu kể từ thời điểm khởi kiện đến ngày xét xử là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà D trả số tiền vốn 270.000.000 đồng vốn gốc và lãi suất như đã phân tích và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn bà D có nơi cư trú tại phường P, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Thời hiệu khởi kiện:* Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn xác định việc vay tài sản được xác lập theo hợp đồng vay. Đến ngày 17/01/2022, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về sự có mặt, vắng mặt:* Tại phiên toà thì bà D được Toà án nhiều lần triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt theo luật định.

** Về nội D:*

[3] Về vốn vay và lãi suất:

- Vốn vay: Nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà D trả số tiền vay 270.000.000 đồng (hai trăm bảy chục triệu đồng) theo hợp đồng vay ngày 21/5/2017 âm lịch, tức ngày 15/6/2017 dương lịch và giấy vay tiền ngày 25/5/2017 âm lịch, tức ngày 19/6/2017 dương lịch và số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho đến ngày xét xử vụ án.

Tại phiên toà bà B tự nguyện yêu cầu bà D trả số tiền lãi 200.000.000 đồng kể từ ngày vay vi phạm hợp đồng tức ngày 15/6/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/3/2023 và số tiền vay 70.000.000 đồng tính từ ngày gửi đơn kiện ngày 17/01/2022 đến ngày xét xử (ngày 21/03/2023), xét đây là sự tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật.

Bị đơn bà D xác định có ký hợp đồng vay tiền trong các giấy mà bà B cung cấp khởi kiện nhưng lại trình bày là nhận tiền vay dùm cho mẹ là bà Tấn và có vay tiền của bà T nhưng không được T thừa nhận.

Quá trình tố tụng Toà án đã nhiều lần ra thông báo đối chất vụ án và tiến hành làm việc với bà Lê Thanh T và bà T (bút lục số 14) ngày 03/11/2022 có ý kiến là bà D nhờ T để vay số tiền của bà B (mẹ chồng bà T) như lời trình bày của bà B với số tiền là 270.000.000 đồng. Ngoài ra thì T không có cho bà D vay số tiền nào như lời trình bày của bà D. Hơn nữa thì ngoài lời trình bày ra thì bà D không có chứng cứ nào khác để chứng minh là không có vay tiền của bà B.

Ngoài ra tại giấy vay tiền không đề ngày thể hiện nội D: bà Đặng Thị Thuỳ D có nhờ Lê Thanh T vay của bà Trần Thị B số tiền 200.000.000 đồng, nhận tiền lúc 13 giờ ngày 21/5/2017 âm lịch và hẹn trả trong vòng 1 tháng ngày 21/6/2017 âm lịch và phía dưới góc trái gaiáy vay tiền đề gày 25/5/2017 âm lịch – 19/6/2017 "tôi Đặng Thị Thuỳ D có mượn 70.000.000 đồng ...."

Theo kết luận định giám định của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Chữ ký mang tên Đặng Thị Thuỳ D dưới mục "người mượn" và mục "25/5/2017 âm lịch" trên giấy vay tiền (ký hiệu A) sovới chữ ký mang tên Đặng Thị Thuỳ D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sơ kết luận chữ ký mang tên Đặng Thị Thuỳ D dưới mục "người mượn: và mục 25/5/2017 âm lịch" trên giấy vay tiền (ký hiệu A) so với mục chữ ký mang tên Đặng Thị Thuỳ D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6, M7) có phải cùng một ngwòi ký ra hay không.

- Chữ viết tên Đặng Thị Thuỳ D dưới mục "người mượn" và mục 25/5/2017 âm lịch" trên giấy vay tiền (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Đặng Thị Thuỳ D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đếnm7) do cùng một ngwòi viết ra.

Xét, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tiền, nội D và hình thức không trái quy định pháp luật nên được công nhận, do có lập thành văn bản có chữ ký, chữ viết tên Đặng Thị Thuỳ D, có căn cứ theo kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 72 ngày 04/7/2022 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang cũng như thừa nhận của bà D. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà D trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận.

Tại giấy vay tiền vay ngày 21/5/2017 âm lịch, tức ngày 15/6/2017 dương lịch thể hiện số tiền vay là 200.000.000 đồng và ngày 25/5/2017 âm lịch, tức ngày 19/6/2017 dương lịch thể hiện số tiền vay là 70.000.000 đồng, tổng cộng 02 khoản vay với số tiền là 270.000.000 đồng. Quá trình vay thì bên vay chưa trả vốn hay lãi suất cho bên vay số tiền nào.

- Lãi suất: Theo giấy vay tiền thoả thuận thể hiện lãi suất vay các bên là 3%/tháng nhưng không thể hiện vào giấy vay tiền. Tại phiên toà thì nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp. Tuy nhiên giấy vay tiền không thể hiện thoả thuận mức lãi suất, bị đơn lại không có ý kiến về lãi suất nên xét thấy cần chấp nhận mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất cơ bản theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định là phù hợp.

Lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Vay số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 15/6/2017 (thời điểm vi phạm là ngày 16/7/2017 al) đến ngày xét xử là ngày 21/03/2023 là 05 năm 09 tháng:

Vay 200.000.000 đồng x 0,83 %/tháng x 5 năm 09 tháng = 114.540.000 đồng. (1).

- Vay số tiền 70.000.000 đồng từ ngày gởi đơn kiện là ngày 17/01/2022 đến ngày xét xử là ngày 21/03/2023 là 01 năm 02 tháng:

Vay 70.000.000 đồng x 0,83 %/tháng x 14 tháng = 8.134.000 đồng (2).

Tổng cộng lãi (1) và (2) là:

114.540.000 đồng + 8.134.000 đồng = 122.674.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi là:

270.000.000 đồng + 122.674.000 đồng = 392.674.000 đồng.

Do đó, HĐXX buộc bà Đặng Thị Thuỳ D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị B số tiền vốn, lãi tổng cộng là 392.674.000 (B trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí và lệ phí:

- Quá trình tố tụng thì phía nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, ngày 12/10/2022 thì Toà án đã tiến hành quyết toán và tại phiên toà hôm nay thì phía nguyên đơn không có yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 292, Điều 319, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

Buộc bà Đặng Thị Thuỳ D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị B số tiền là 392.674.000 (B trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với bà Đặng Thị Thuỳ D với số tiền là 120.000.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Thuỳ D phải chịu số tiền là 19.634.000 (mười chín triệu sáu trăm B mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc người cao tuổi.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà B có quyền kháng cáo. Riêng bà Đặng Thị Thuỳ D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hiếu Trung